

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 13-6-2024.

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung;

Ông Trần Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Hoàng A, sinh năm 1995 – Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Đ L, xã T L T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1995 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố A Q, phường A H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Đặng Hoàng A trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2019, vợ chồng chưa tổ chức lễ cưới, chỉ mới đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T L T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ anh tại ấp Đ L, xã T L T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc của anh thường phải đi xa vắng nhà, chị T thì muốn anh về cùng kinh doanh với chị T, vợ chồng không thể thống nhất được nên từ năm 2020 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại khu phố A Q, phường A H sống và vợ chồng ly thân luôn đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân, anh có liên lạc với chị T nhưng chị T

không nghe máy. Anh về nhà cha mẹ ruột của chị T để tìm nhưng cũng không gặp do chị T đi làm, nhưng chị T đi làm ở đâu thì anh không biết, cha mẹ ruột chị T cũng không biết. Chỉ biết chị T đi làm khoảng 1 tuần đến 1 tháng mới về nhà một lần.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập chị Nguyễn Thị Huyền T đến Tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng chị T không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Hoàng A yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T.

Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đặng Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh A trình bày là do công việc của anh thường phải đi xa vắng nhà, chị T thì muốn anh về cùng kinh doanh với chị T, nhưng anh không đồng ý. Qua xác minh mẹ ruột của chị T không thể hiện được giữa anh A và chị T có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần mời chị T đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị T đều không đến, chứng tỏ chị T không có thiện chí hàn gắn với anh A. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh A và chị T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh A được ly hôn chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh A trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng A về việc yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T.

Anh Đặng Hoàng A được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Đặng Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014790 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Anh A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho anh A, chị T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã T L T;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc